

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E302

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30-10h30

Ngày thi: 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70235	20810830214	Bùi Vân	Anh	11/06/2002			
2	TA70236	20810430167	Đặng Thái	Anh	13/04/2002			
3	TA70237	20810810015	Hoàng Minh	Anh	13/02/2002			
4	TA70238	20810340224	Nguyễn Đức	Anh	26/04/2002			
5	TA70239	19810310291	Nguyễn Hải	Anh	24/11/2001			
6	TA70240	20810720002	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/11/2002			
7	TA70241	21810230046	Phạm Đức	Anh	08/09/2003			
8	TA70242	19810000009	Trịnh Việt	Anh	12/10/2001			
9	TA70243	21810810198	Bùi Thị Ngọc	Ánh	07/10/2003			
10	TA70244	19810170136	Hoàng Công	Bảo	17/10/2001			
11	TA70245	20810160505	Kim Ngọc	Bảo	11/08/2002			
12	TA70246	20810810139	Lê Thị	Chang	12/11/2002			
13	TA70247	20810000370	Phạm Linh	Chi	25/06/2002			
14	TA70248	20810810092	Lê Gia	Chính	01/08/2002			
15	TA70249	20810430260	Nguyễn Thành	Công	12/09/2002			
16	TA70250	2162010024	Trịnh Kiên	Cường	10/01/1989			
17	TA70251	21810110165	Bùi TrĩNh	ĐạT	01/05/2003			
18	TA70252	19810310665	Nguyễn Thành	Đạt	22/04/2001			
19	TA70253	22810430357	Nguyễn Trọng	Đạt	16/05/2004			
20	TA70254	21810810197	Trịnh Thị Ngọc	Diệp	18/12/2003			
21	TA70255	20810720014	Vũ Đại	Đoàn	05/09/2002			
22	TA70256	20810410061	Nguyễn Mạnh	Đức	16/09/2002			
23	TA70257	20810160452	Nguyễn Văn	Đức	20/07/2002			
24	TA70258	20810430297	Phạm Văn	Đức	21/08/2002			
25	TA70259	20810420026	Đỗ Trí	Dũng	02/04/2002			
26	TA70260	19810420034	Nguyễn Mạnh	Dũng	22/04/2001			
27	TA70261	19810310084	Vũ Mạnh	Dũng	14/03/2001			
28	TA70262	19810710074	Nguyễn Hoàng	Dương	17/07/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI****Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** E303**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 9h30-10h30**Ngày thi:** 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70263	20810110175	Ngô Văn	Duy	13/03/2002			
2	TA70264	20810160520	Hồ Thị Hương	Giang	25/03/2002			
3	TA70265	20810310385	Nguyễn Quốc	Hà	20/09/2002			
4	TA70266	19810310325	Bùi Hoàng	Hải	03/09/2001			
5	TA70267	21810810200	Bùi Thị Thu	Hằng	24/11/2003			
6	TA70268	19810310147	Phan Doãn	Hào	09/04/2001			
7	TA70269	21810710143	Nguyễn Thị Thu	Hiên	20/10/2003			
8	TA70270	20810620039	Nguyễn Văn	Hiệp	20/07/2002			
9	TA70271	20810160531	Đỗ Trung	Hiếu	23/06/2002			
10	TA70272	20810830206	Nguyễn Trung	Hiếu	13/12/2002			
11	TA70273	19810310373	Vũ Minh	Hiếu	07/04/2001			
12	TA70274	20819110106	Đô Xuân	Hòa	24/01/2002			
13	TA70275	19810310086	Trần Việt	Hoàn	20/06/2001			
14	TA70276	20810000243	Nguyễn Minh	Hoàng	19/02/2002			
15	TA70277	21810810317	Phạm Thị Mai	Hồng	19/08/2003			
16	TA70278	20810810101	Nguyễn Thị Kim	Huế	17/12/2002			
17	TA70279	20810420046	Nguyễn Mạnh	Hùng	29/04/2002			
18	TA70280	19810550168	Nguyễn Văn	Hưng	09/05/2001			
19	TA70281	20810540031	Dương Gia	Huy	22/06/2002			
20	TA70282	19810310025	Nguyễn Đức	Huy	06/05/2001			
21	TA70283	20810430264	Trần Quang	Huy	11/03/2002			
22	TA70284	20810000059	Ngô Thanh	Huyền	19/07/2002			
23	TA70285	21810850377	Nguyễn Thu	Huyền	28/05/2003			
24	TA70286	20810430219	Nông Thạch	Huỳnh	25/06/2002			
25	TA70287	20810170383	Nguyễn Đăng	Khôi	20/02/2002			
26	TA70288	20810110184	Đỗ Trung	Kiên	19/02/2002			
27	TA70289	20810110290	Nguyễn Văn	Lâm	14/10/2002			
28	TA70290	20810310371	Phùng Thị Phương	Lan	01/11/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E304

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30-10h30

Ngày thi: 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70291	20810000500	Nguyễn Thị	Lành	12/08/2002			
2	TA70292	19810170330	Mai Hữu Nhất	Linh	28/11/2001			
3	TA70293	19810000016	Nguyễn Thị Kiều	Linh	05/03/2001			
4	TA70294	19810510012	Nguyễn Văn	Linh	14/08/2001			
5	TA70295	2162010031	Doãn Thị	Loan	05/01/1992			
6	TA70296	18810310208	Nguyễn Hiệp	Lộc	02/08/2000			
7	TA70297	20810850008	Đông Trọng	Long	13/02/2002			
8	TA70298	19810310054	Nguyễn Duy	Long	09/05/2001			
9	TA70299	20810160558	Phạm Quang	Long	14/10/2002			
10	TA70300	20810000144	Nguyễn Thảo	Ly	06/10/2002			
11	TA70301	20810810153	Nguyễn Ngọc	Mai	14/07/2002			
12	TA70302	19810110356	Lê Bình	Minh	20/10/2001			
13	TA70303	20810430237	Nguyễn Quang	Minh	16/07/2002			
14	TA70304	18810310343	Trần Đức	Minh	30/12/2000			
15	TA70305	18810420241	Đinh Hoài	Nam	26/11/2000			
16	TA70306	20810000364	Ngô Thanh	Nga	03/04/2002			
17	TA70307	21810810307	Ngô Thị Minh	Ngọc	02/08/2003			
18	TA70308	20810850035	Đỗ Yến	Nhi	05/06/2002			
19	TA70309	20810000310	Chu Thị Hồng	Nhung	22/08/2002			
20	TA70310	19810710009	Lê Hồng	Phong	25/05/2001			
21	TA70311	19810310142	Trần Lệnh	Phú	15/04/2001			
22	TA70312	20810110152	Đoàn Anh	Phương	11/11/2002			
23	TA70313	22810860090	Trần Ngọc Anh	Phương	06/11/2003			
24	TA70314	20810310037	Mai Hồng	Quân	11/03/2002			
25	TA70315	19810310596	Nguyễn Minh	Quân	28/12/2001			
26	TA70316	20810230055	Lê Minh	Quang	08/10/2002			
27	TA70317	20810230083	Trần Tất	Quang	21/03/2002			
28	TA70318	19810430011	Trần Anh	Quốc	01/04/2001			
29	TA70319	2162010037	Trần Thị Hồng	Quỳnh	24/06/1980			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E401

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30-10h30

Ngày thi: 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70320	19810110011	Vũ Tiến	Tài	04/04/2001			
2	TA70321	20810110174	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002			
3	TA70322	2162010045	Lê Văn	Thắng	10/04/1992			
4	TA70323	20810160532	Vũ Chiến	Thắng	30/04/2002			
5	TA70324	20810420044	Chu Tuấn	Thành	05/03/2002			
6	TA70325	20810710246	Ngô Đức	Thành	02/11/2002			
7	TA70326	19810430032	Nguyễn Trí	Thành	09/09/2001			
8	TA70327	19810710062	Đỗ Phương	Thảo	10/02/2001			
9	TA70328	18810000137	Nguyễn Đức	Thiên	21/10/1999			
10	TA70329	19810310667	Trần Văn	Thịnh	22/12/2001			
11	TA70330	20810810110	Nguyễn Thị	Thúy	08/10/2002			
12	TA70331	22810260150	Hoàng Thuỷ	Tiên	19/07/2003			
13	TA70332	20810850065	Lê Thanh	Trà	21/01/2002			
14	TA70333	21810850376	Lê Thanh	Trang	15/09/2003			
15	TA70334	20810850050	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/05/2002			
16	TA70335	20810810112	Thân Phương	Trang	01/04/2002			
17	TA70336	20810850027	Trần Đức	Triều	10/02/2002			
18	TA70337	20810430393	Nguyễn Thanh	Trúc	23/09/2002			
19	TA70338	20810430193	Trần Quang	Trường	10/10/2002			
20	TA70339	19810610086	Phạm Đức	Tuân	14/05/2001			
21	TA70340	20810310487	Đặng Minh	Tuấn	22/05/2002			
22	TA70341	19810310227	Phạm Anh	Tuấn	11/01/2001			
23	TA70342	18810310104	Trần Ngọc	Tuấn	18/07/2000			
24	TA70343	18810640002	Bạch Tiến	Tùng	28/08/2000			
25	TA70344	20810430262	Vũ Gia	Tùng	20/07/2002			
26	TA70345	20810170348	Đỗ Quang	Ty	19/12/2001			
27	TA70346	20810310483	Lê Tuấn	Vũ	25/01/2002			
28	TA70347	19810310453	Trần Đình Minh	Vương	17/10/2001			
29	TA70348	18810810250	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	20/02/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Phòng thi: E402
Ngày thi: 26/07/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70349	20810830183	Cần Thị Lan	Anh	16/11/2002			
2	TA70350	21810860435	Đào Thị Ngọc	Anh	16/02/2003			
3	TA70351	20810430371	Lê Hoàng	Anh	22/09/2002			
4	TA70352	20810720013	Nguyễn Hà Đức	Anh	22/02/2001			
5	TA70353	20810830234	Nguyễn Hải	Anh	15/04/2002			
6	TA70354	20810160511	Nguyễn Việt	Anh	21/11/2002			
7	TA70355	20810110200	Phạm Tùng	Anh	19/09/2002			
8	TA70356	20810430330	Trương Quỳnh	Anh	18/12/2002			
9	TA70357	21810230481	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	10/06/2003			
10	TA70358	20810420050	Đinh Gia	Bảo	19/07/2002			
11	TA70359	20810000412	Hoàng Hiếu	Bình	25/08/2002			
12	TA70360	21810810056	Nguyễn Quỳnh	Chi	08/07/2003			
13	TA70361	18810310164	Trần Minh	Chiến	29/05/2000			
14	TA70362	20810110208	Phạm Công	Chức	19/10/2002			
15	TA70363	19810540121	Phạm Biên	Cương	16/08/2001			
16	TA70364	20810410110	Lê Đức Minh	Danh	20/02/2002			
17	TA70365	20810420084	Lê Thành	Đạt	13/10/2002			
18	TA70366	21810710441	Nguyễn Thành	Đạt	10/02/2003			
19	TA70367	20810310468	Phạm Trí	Đạt	01/10/2002			
20	TA70368	20810000384	Nguyễn Thu	Điệp	30/03/2002			
21	TA70369	20810420116	Lê Minh	Đức	05/12/2002			
22	TA70370	19810110046	Nguyễn Tài	Đức	13/05/2001			
23	TA70371	19810430019	Phạm Hoàng Anh	Đức	20/09/2001			
24	TA70372	2162010027	Nguyễn Thị Thanh	Dung	02/11/1991			
25	TA70373	19810310501	Lê Tuấn	Dũng	02/11/2001			
26	TA70374	21810410080	Nguyễn Trọng	Dũng	21/10/2003			
27	TA70375	20810830205	Hàn Thị Thùy	Dương	07/11/2002			
28	TA70376	20810160491	Đào Khánh	Duy	03/02/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h00-9h00

Phòng thi: E403
Ngày thi: 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70377	19810620051	Nguyễn Văn	Duy	17/04/2001			
2	TA70378	21810850418	Nguyễn Thị	Giang	04/01/2003			
3	TA70379	20810810060	Phạm Thu	Hà	25/12/2002			
4	TA70380	19810430049	Đặng Tiến	Hải	23/10/2001			
5	TA70381	21810230463	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	03/09/2003			
6	TA70382	22819120020	Nguyễn Hải	Hậu	07/10/2004			
7	TA70383	20810410083	Lê Tuấn	Hiệp	17/09/2002			
8	TA70384	Thí sinh dự thi	Bùi Đình	Hiếu	10/06/1989			
9	TA70385	20810430375	Nguyễn Đình	Hiếu	28/01/2002			
10	TA70386	20810840021	Nguyễn Trung	Hiếu	30/11/2002			
11	TA70387	19810110188	Nguyễn Văn	Hiệu	01/01/2001			
12	TA70388	20810420016	Phan Văn	Hòa	06/09/2002			
13	TA70389	19810310257	Dương Việt	Hoàng	20/09/2001			
14	TA70390	20810000358	Phạm Việt	Hoàng	04/02/2002			
15	TA70391	20810230112	Vũ Minh	Huân	23/10/2002			
16	TA70392	20810710209	Vũ Thanh	Huế	21/08/2002			
17	TA70393	20810110198	Đặng Mạnh	Hưng	16/10/2002			
18	TA70394	19810310119	Phan Đình	Hưng	08/11/2001			
19	TA70395	22810540295	Nguyễn Đình	Huy	12/07/2004			
20	TA70396	20810160555	Nguyễn Quang	Huy	02/09/2002			
21	TA70397	19810310332	Trần Quang	Huy	15/07/2001			
22	TA70398	20810000178	Nguyễn Thị	Huyền	12/12/2002			
23	TA70399	19810710024	Phạm Khánh	Huyền	11/09/2001			
24	TA70400	20810160500	Đỗ Đức	Khánh	16/03/2002			
25	TA70401	2162010030	Vũ Duy	Khôi	21/03/1996			
26	TA70402	19810420272	Lê Trung	Kiên	13/07/2001			
27	TA70403	19810110381	Vũ Tùng	Lâm	22/06/2001			
28	TA70404	19810310337	Trần Quốc	Lân	26/04/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Phòng thi: E503
Ngày thi: 26/07/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70405	20810820052	Đoàn Hương	Lệ	09/06/2002			
2	TA70406	21810830233	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002			
3	TA70407	20810850005	Nguyễn Thùy	Linh	30/12/2001			
4	TA70408	21810850388	Trần Thị Khánh	Linh	07/06/2003			
5	TA70409	20810810117	Vũ Thị	Loan	03/06/2002			
6	TA70410	18810340068	Nguyễn Thành	Lộc	06/11/2000			
7	TA70411	20810810157	Lê Thành	Long	10/01/2002			
8	TA70412	20810620044	Nguyễn Văn	Long	29/03/2002			
9	TA70413	20810830225	Nguyễn Ngọc	Luân	19/11/2002			
10	TA70414	20810000141	Đào Thị Hồng	Lý	08/10/2002			
11	TA70415	20810420107	Hoàng Tiến	Mạnh	22/04/2002			
12	TA70416	20810430152	Lương Đức	Minh	16/03/2002			
13	TA70417	21810710153	Nguyễn Quang	Minh	03/09/2003			
14	TA70418	20810110147	Trương Xuân	Minh	01/03/2002			
15	TA70419	20810430238	Nguyễn Tài	Năng	16/03/2024			
16	TA70420	20810810182	Nguyễn Thị	Ngân	21/08/2002			
17	TA70421	20810830210	Nguyễn Quỳnh	Ngọc	26/05/2002			
18	TA70422	20810850049	Trần Linh	Nhi	26/08/2002			
19	TA70423	20810830201	Phan Hồng	Nhung	24/07/2002			
20	TA70424	19810230072	Nguyễn Hữu	Phong	03/03/2001			
21	TA70425	19810430201	Mạc Duy	Phúc	15/11/2001			
22	TA70426	20810850043	Nguyễn Thị	Phương	28/11/2002			
23	TA70427	20810110179	Đặng Anh	Quân	19/05/2002			
24	TA70428	20810000065	Mai Trần Trung	Quân	10/11/2002			
25	TA70429	19810310353	Trịnh Anh	Quân	06/08/2001			
26	TA70430	19810310323	Ngô Xuân	Quang	12/05/2001			
27	TA70431	20810710255	Trịnh Minh	Quang	22/12/2002			
28	TA70432	20810160476	Phạm Minh	Quyết	11/06/2002			
29	TA70433	19810230034	Nguyễn Vũ Trường	Sơn	25/01/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h00-9h00

Phòng thi: E504
Ngày thi: 26/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70434	19810420291	Vũ Công	Tân	19/05/2001			
2	TA70435	19810110138	Lê Minh	Thăng	27/05/2001			
3	TA70436	19810310385	Lưu Quang	Thắng	03/11/2001			
4	TA70437	21810440687	Lê Đức	Thanh	06/08/2003			
5	TA70438	19810310092	Khổng Trung	Thành	10/04/2001			
6	TA70439	20810110167	Nguyễn Đại	Thành	12/03/2002			
7	TA70440	19810310333	Phạm Xuân	Thành	28/10/1998			
8	TA70441	18810340008	Lê Thu	Thảo	26/08/2000			
9	TA70442	20810110206	Nguyễn Huy Hoài	Thịnh	21/01/2002			
10	TA70443	19810230056	Trần Văn	Thịnh	28/07/2000			
11	TA70444	19810310554	Trần Thị	Thùy	24/10/2001			
12	TA70445	19810230008	Nguyễn Văn	Tiến	01/01/2001			
13	TA70446	20810830190	Lê Thị Bảo	Trân	17/09/2002			
14	TA70447	20810340211	Lê Thị Thùy	Trang	15/03/2002			
15	TA70448	22810810090	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/06/2004			
16	TA70449	20810820015	Từ Hà	Trang	07/01/2002			
17	TA70450	20810830186	Đàm Kiều	Trinh	03/06/2002			
18	TA70451	20810710181	Vũ Việt	Trung	11/04/2002			
19	TA70452	21810230510	Nguyễn Phước	Tú	05/10/2003			
20	TA70453	20810110155	Phùng Anh	Tuân	06/06/2002			
21	TA70454	20810110207	Nguyễn Anh	Tuấn	13/01/2002			
22	TA70455	21810620007	Phạm Minh	Tuấn	27/06/2003			
23	TA70456	20810110162	Trịnh Duy Anh	Tuấn	10/09/2002			
24	TA70457	20810230105	Đinh Lâm	Tùng	24/05/2002			
25	TA70458	19810310287	Phan Trọng	Tuyên	02/08/2001			
26	TA70459	20810000375	Chu Mỹ	Uyên	01/08/2002			
27	TA70460	18810310326	Lê Văn	Vương	16/12/2000			
28	TA70461	19810310085	Mai Việt	Vương	07/07/2001			
29	TA70462	20810430275	Nguyễn Văn	Xuân	07/10/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)